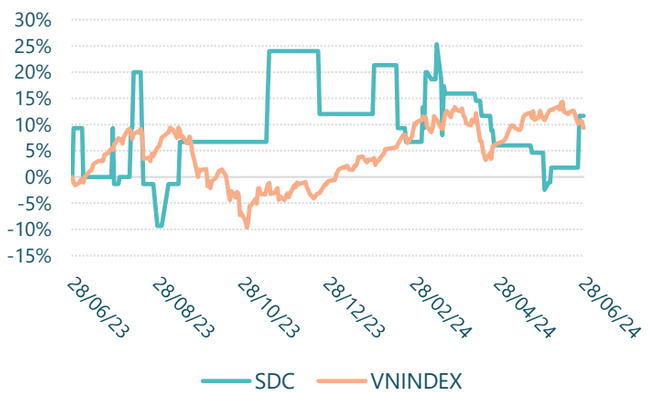
CTCP Tư vấn sông Đà (HNX: SDC)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	7,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.9%	**-3.7%**	**-0.3%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,414 - 8,866
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
Số lượng CPLH (CP)	2,609,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)	145
Sở hữu nước ngoài	3.4%
Beta	0.40
EPS	683
P/E	11.6

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.1 | 83.0%

YoY: ▲ 3.70 | 20.0%

Nợ/VCSH

Q2/24

84.2%

YoY: +/-▲ 5.8%

LN gộp

Q2/24

3.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.15 | 41.4%

YoY: ▲ 0.26 | 7.0%

ROE (TTM)

Q2/24

3.4%

YoY: +/-▲ 0.0%

LN trước thuế

Q2/24

0.94

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.61 | 184%

YoY: ▼0.01 | -1.2%

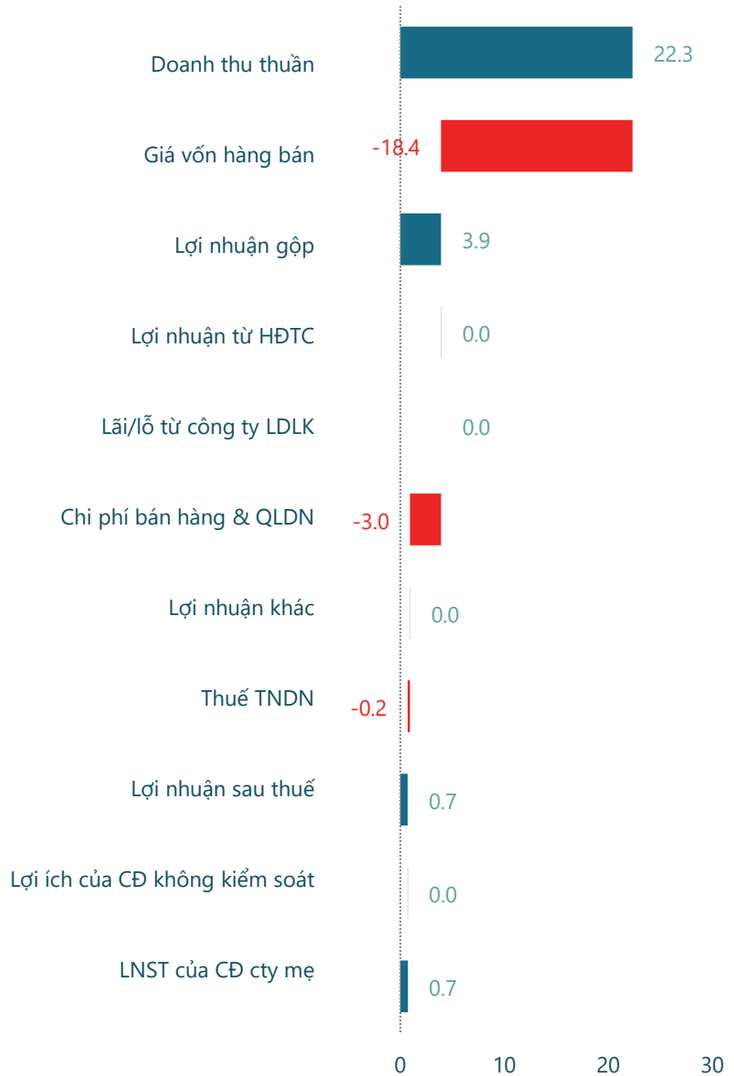
ROA (TTM)

Q2/24

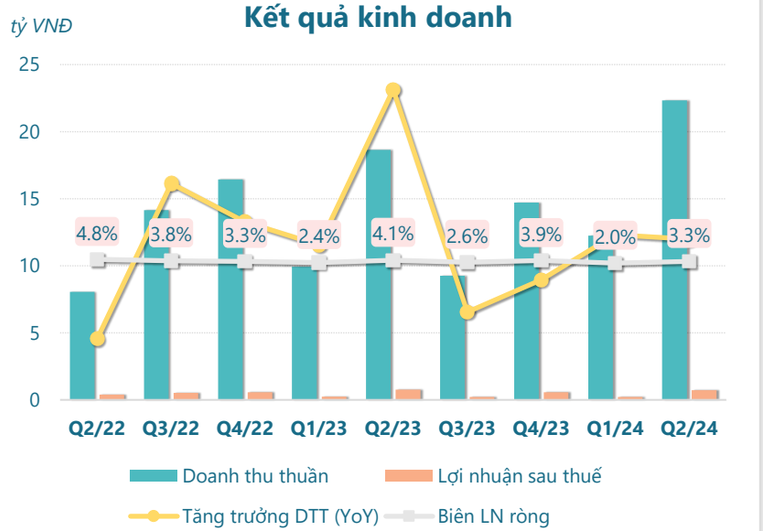
1.9%

YoY: +/-▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh Q2/24

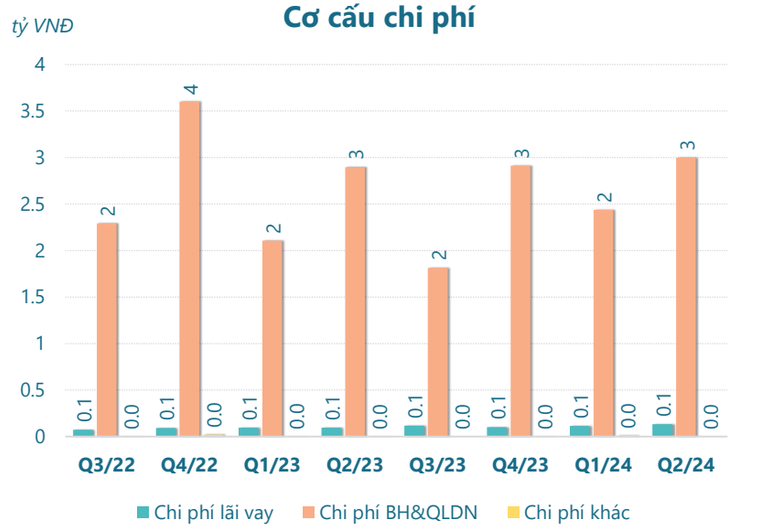


CTCP Tư vấn sông Đà (HNX: SDC)



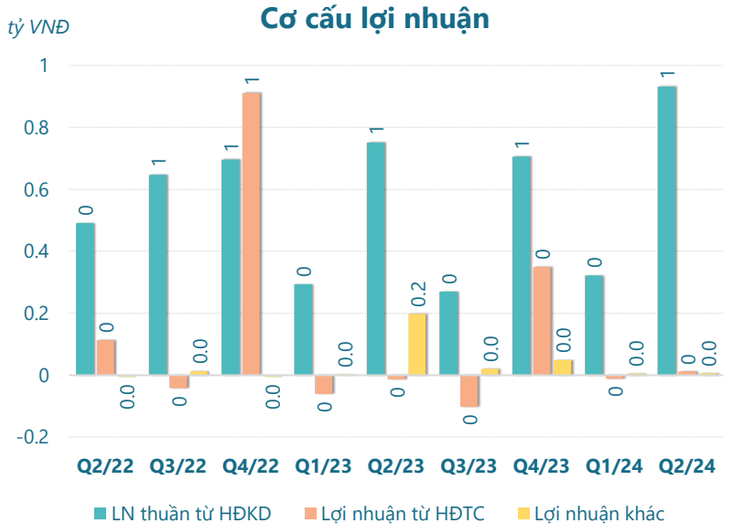
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.93 tỷ đồng**, tăng thêm 191% so với kỳ trước và cao hơn 24.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.01 tỷ đồng**, tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.01 tỷ đồng**, không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 95.0% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SDC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **22.32 tỷ đồng** tăng thêm **19.7%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.72 tỷ đồng**, **giảm sút 5.26%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **35.00 tỷ đồng** cao hơn 20.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.00 tỷ đồng** bằng so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.13 tỷ đồng** tăng thêm 18.2% so với kỳ trước và cao hơn 44.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.00 tỷ đồng** tăng thêm 23.0% so với kỳ trước và cao hơn 3.45% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** giảm đi 100.0% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Tư vấn sông Đà (HNX: SDC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**22.3**	**12.2**	**83.0%**	**18.6**	**20.0%**	**34.6**	**28.6**	**21.0%**
Giá vốn hàng bán	18.4	9.47	94.4%	15.0	22.7%	27.9	22.5	24.1%
Lợi nhuận gộp	3.92	2.77	41.4%	3.66	7.0%	6.69	6.12	9.3%
Doanh thu HĐTC	0.10	0.12	-20.0%	0.08	20.0%	0.22	0.11	88.2%
Chi phí TC	0.08	0.13	-35.4%	0.09	-6.7%	0.22	0.19	13.8%
Chi phí lãi vay	0.13	0.11	20.3%	0.09	47.0%	0.25	0.19	30.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.03	0.02	52.2%	0.03	1.5%	0.05	0.06	-3.2%
Chi phí QLDN	**2.97**	**2.41**	**23.1%**	**2.87**	**3.4%**	**5.38**	**4.95**	**8.8%**
LN thuần từ HĐKD	0.93	0.32	191%	0.75	24.2%	1.25	1.04	20.1%
Lợi nhuận khác	**0.01**	**0.01**	**-35.5%**	**0.20**	**-96.8%**	**0.01**	**0.20**	**-94.0%**
LN trước thuế	0.94	0.33	184%	0.95	-1.2%	1.27	1.25	1.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.72**	**0.22**	**225%**	**0.76**	**-5.9%**	**0.94**	**0.99**	**-5.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.73**	**0.24**	**203%**	**0.77**	**-5.5%**	**0.97**	**1.00**	**-3.7%**

